

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025; Sở Y tế xây dựng kế hoạch tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

I. THỰC TRẠNG KẾT CẤU HẠ TẦNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Thực trạng kết cấu hạ tầng y tế

1.1. Mạng lưới cơ sở y tế

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, hệ thống y tế công lập tỉnh Bắc Giang đã đổi mới, sắp xếp thu gọn đầu mối nhằm tăng cường, tập trung các nguồn lực. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp, ngành y tế đã giảm từ 278 đơn vị năm 2016 xuống còn 231 đơn vị vào năm 2020, cụ thể:

- Tuyển tỉnh:

+ Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở sáp nhập 06 đơn vị: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe tinh, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Mắt và một phần Trung tâm Phòng chống Sốt rét - Nội tiết.

+ Thành lập mới 02 bệnh viện: Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Nội tiết.

+ Sáp nhập Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Giám định Y khoa vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

+ Triển khai tiếp nhận bàn giao nguyên trạng về biên chế, viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh vào BVĐK tỉnh theo Quyết định 337/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh.

- Tuyển huyện:

+ Giải thể BVĐK thành phố Bắc Giang.

+ Thành lập trung tâm y tế huyện, thành phố đa chức năng trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị tuyển huyện: BVĐK, trung tâm y tế và trung tâm dân số huyện, thành phố.

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp, ngành y tế đã giảm 15 đơn vị trực thuộc (từ 38 đơn vị giảm xuống còn 23 đơn vị).

+ Giải thể 02 phòng khám đa khoa khu vực Mai Suu (Lục Nam) và Tân Sơn (Lục Ngạn).

- *Tuyển xã:*

+ Từ ngày 01/01/2020 thực hiện Nghị quyết 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của UBTV Quốc hội khóa 14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang, sau khi sắp xếp toàn tỉnh giảm từ 230 trạm y tế xã/phường/thị trấn còn 209 trạm y tế xã/phường/thị trấn (giảm 21 xã/thị trấn).

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh về thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Đến hết năm 2020, tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 trong toàn tỉnh là 100% (đạt 100% mục tiêu KH 2016 - 2020).

+ Sắp xếp lại hệ thống y tế thôn, bản theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Tính đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 231 đơn vị y tế công lập (11 đơn vị tuyển tỉnh, 11 đơn vị tuyển huyện và 209 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 bệnh viện ngành (Bệnh viện quân y 110 cơ sở 2 với quy mô 60 giường bệnh); 01 Phòng khám đa khoa giao thông vận tải; 01 Bệnh xá Công an tỉnh.

Bên cạnh đó, các cơ sở y tế ngoài công lập cũng phát triển nhanh về số lượng và quy mô. Năm 2020, toàn tỉnh có 428 cơ sở y, YHCT ngoài công lập (trong đó có 07 bệnh viện tư nhân đang hoạt động với tổng số 567 giường bệnh) và có 1.322 cơ sở kinh doanh thuốc.

1.2. Hạ tầng y tế

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành y tế đã tích cực tranh thủ các nguồn lực tài chính để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế, với tổng số vốn được giao là 1.036.354 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn NSNN: 760.754 triệu đồng (NS địa phương: 685.229 triệu đồng, NSTW: 75.525 triệu đồng).

- Vốn ODA: 275.600 triệu đồng.

Năng lực tăng thêm đối với các đơn vị được đầu tư so với trước khi đầu tư như sau:

+ Trang thiết bị y tế: Tăng thêm gần 200 chủng loại thiết bị y tế được đưa vào phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật, trong đó là một số thiết bị hiện đại, để triển khai kỹ thuật cao như: Hệ thống xạ trị, Hệ thống chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền DSA phục vụ can thiệp tim mạch, hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 T, máy chụp CT scanner 64 dãy 128 lát cắt, máy chụp cắt lớp vi tính CT scanner cho

tuyến huyện, máy siêu âm màu 4D, 3D, hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động, huyết học tự động, xét nghiệm miễn dịch tự động, hệ thống phẫu thuật nội soi full HD ổ bụng, các bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa, phẫu thuật sọ não, phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.

+ Về cơ sở hạ tầng y tế: Đã tăng thêm 35.000 m² sàn được đưa vào sử dụng, bao gồm 28.400 m² sàn xây mới, 6.600 m² sàn cải tạo, sửa chữa, cụ thể: Hoàn thành việc xây mới một số hạng mục của BVĐK tỉnh: Khối điều trị nội trú (9 tầng) diện tích sàn 14.000 m², khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (3 tầng) diện tích sàn 1.200 m², Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ, nhà Nội Thận tiết niệu; Bệnh viện Sản Nhi: Khối nhà 7 tầng diện tích sàn 7.150 m², khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn 440 m²; Bệnh viện Ung bướu diện tích sàn 10.100 m²; Bệnh viện Nội tiết diện tích sàn 8.000 m²; Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng diện tích sàn 1.400 m²; Trung tâm Y tế huyện Việt Yên diện tích sàn 1.500 m²; Trung tâm Y tế huyện Tân Yên diện tích sàn 1.250 m²; sửa chữa khu nhà điều trị nội trú Bệnh viện Phổi; Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Ung bướu; cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Y học Cổ truyền vị trí mới. Xây mới, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho nhiều trạm y tế xã/phường/thị trấn để đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Số giường bệnh viện/10.000 dân (bao gồm cả giường bệnh công lập và ngoài công lập) tăng từ 20,5 (năm 2016) lên 27 (năm 2020), vượt mục tiêu quy hoạch (25 giường bệnh/10.000 dân), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với bình quân cả nước (trung bình cả nước năm 2020 là 28,0 giường bệnh/10.000 dân). Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 đạt 100% (đạt mục tiêu quy hoạch).

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế, được cấp giấy chứng nhận đầu tư với diện tích 3,34 ha, tổng số vốn đăng ký 498,91 tỷ đồng, số giường bệnh điều trị nội trú là 567 giường. Các bệnh viện, phòng khám tư nhân đã góp phần tích cực trong việc khám chữa bệnh cho nhân dân, giúp nhân dân có nhiều lựa chọn trong việc khám chữa bệnh, tránh quá tải trong các bệnh viện công lập.

2. Những tồn tại và nguyên nhân

Cơ sở vật chất từ tuyến tỉnh đến tuyến xã chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là một số trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã. Quy mô giường bệnh hoạt động thực tế và quy mô giường bệnh được giao của hầu hết cơ sở y tế công lập đã vượt nhiều so với quy mô thiết kế ban đầu và quy mô giường bệnh theo Quy hoạch phát triển y tế đến năm 2020, gây quá tải cho các cơ sở y tế. Bên cạnh đó cơ sở hạ tầng của nhiều đơn vị y tế được xây dựng trước năm 2000 và đã được cải tạo, nâng cấp trong giai đoạn 2006 - 2015; qua quá trình sử dụng đến nay hầu hết đã cũ và đang xuống cấp nhất là hệ thống phòng mổ, phòng đẻ, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn được thiết kế không phù hợp với yêu cầu về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.

Chưa có bệnh viện tư nhân quy mô lớn, đặc biệt là bệnh viện tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu của người dân về dịch vụ y tế chất lượng cao.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng kết cấu hạ tầng y tế đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025; đảm bảo thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 đạt hiệu quả thiết thực.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình theo phân kỳ của cả giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, đảm bảo bám sát với khả năng thực hiện trên cơ sở có sự thống nhất và phối, kết hợp chặt chẽ giữa Sở Y tế với các sở, ngành có liên quan và chính quyền địa phương.

III. MỤC TIÊU

Phát triển mạng lưới, cơ sở vật chất các cơ sở, đơn vị của ngành y tế hướng tới đảm bảo cho người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

Phấn đấu đến năm 2025, số giường bệnh/vạn dân đạt 35,1 giường, cụ thể:

| STT | Cơ sở y tế | Chỉ tiêu quy mô giường bệnh | |
|----------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|
| | | Năm 2020 | Năm 2025 |
| I | Giường bệnh công lập | 4.396 | 5.720 |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | 880 | 1.200 |
| 2 | Bệnh viện Sản – Nhi | 610 | 700 |
| 3 | Bệnh viện PHCN | 160 | 200 |
| 4 | Bệnh viện YHCT | 140 | 200 |
| 5 | Bệnh viện Phổi | 230 | 270 |
| 6 | Bệnh viện Tâm thần | 140 | 150 |
| 7 | Bệnh viện Nội tiết | 110 | 150 |
| 8 | Bệnh viện Ung bướu | 216 | 300 |

| STT | Cơ sở y tế | Chỉ tiêu quy mô giường bệnh | |
|------------|--|-----------------------------|--------------|
| | | Năm 2020 | Năm 2025 |
| 9 | TTYT huyện Sơn Động | 160 | 180 |
| 10 | TTYT huyện Lục Ngạn | 270 | 320 |
| 11 | TTYT huyện Lục Nam | 230 | 300 |
| 12 | TTYT huyện Lạng Giang | 150 | 200 |
| 13 | TTYT huyện Yên Thế | 190 | 250 |
| 14 | TTYT huyện Tân Yên | 250 | 300 |
| 15 | TTYT huyện Hiệp Hòa | 270 | 350 |
| 16 | TTYT huyện Việt Yên | 190 | 250 |
| 17 | TTYT huyện Yên Dũng | 200 | 250 |
| 18 | Bệnh viện Lão khoa | 0 | 150 |
| II | Giường bệnh ngoài công lập | 567 | 1.231 |
| III | Tổng giường bệnh toàn tỉnh (I + II) | 4.963 | 6.951 |
| IV | Số giường bệnh/10.000 dân | 27 | 35,1 |

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG Y TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Đến năm 2025, hệ thống cơ sở y tế công lập tỉnh Bắc Giang có 09 bệnh viện công lập, 10 trung tâm y tế cấp huyện, 209 trạm y tế cấp xã và các đơn vị y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số, kiểm nghiệm; hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập tập trung phát triển tại các khu vực đô thị, khu vực tập trung đông dân cư phục vụ thuận lợi cho nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Cụ thể:

1. Đối với hệ thống cơ sở y tế công lập

1.1. Tuyển tỉnh

- Duy trì Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm kiểm nghiệm.

- Quy hoạch mở rộng quy mô giường bệnh của 08 bệnh viện tuyển tỉnh, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết và Bệnh viện Ung bướu.

- Quy hoạch chuyển ra vị trí mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.
- Quy hoạch mới: Bệnh viện Lão khoa và Trung tâm Cấp cứu 115.

1.2. Tuyển huyện

- Duy trì hoạt động Phòng khám đa khoa khu vực Mỏ Trạng, huyện Yên Thế.

- Quy hoạch mở rộng quy mô giường bệnh của 09 trung tâm y tế các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên và Yên Dũng đáp ứng yêu cầu là trung tâm đa chức năng gồm khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác.

- Quy hoạch chuyển vị trí mới Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang để hình thành trung tâm y tế đa chức năng trên cơ sở trung tâm hiện nay.

1.3. Tuyển xã

Duy trì 209 trạm y tế xã/phường/thị trấn. Cụ thể theo phương án phát triển của các huyện, thành phố.

Tiếp tục cải tạo, sửa chữa, xây mới các trạm y tế xã, phường, thị trấn phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân.

2. Đối với hệ thống y tế ngoài công lập

Đến năm 2025, duy trì các bệnh viện hiện có (gồm: Bệnh viện Đa khoa Sông Thương, Bệnh viện Y học cổ truyền Lan Q, Bệnh viện Đa khoa Sơn Uyên, Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hà Nội - Bắc Giang, Bệnh viện Chuyên khoa Mắt quốc tế DND, Bệnh viện Đa khoa Hùng Cường, Bệnh viện Đa khoa tư nhân Tân Dân, BVĐK Anh Quát).

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; trong đó ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới, cạnh các khu công nghiệp. Các huyện, thành phố bố trí sẵn quỹ đất để thu hút đầu tư bệnh viện ngoài công lập, phấn đấu đến năm 2025 số giường bệnh ngoài công lập đạt trên 1.231 giường bệnh.

3. Kinh phí thực hiện:

Tổng vốn đầu tư dự kiến giai đoạn 2021 - 2025: 5.756,7 tỷ đồng. Trong đó:

- Tổng vốn các dự án dự kiến đầu tư: 2.016,7 tỷ đồng (Bao gồm: Ngân sách tỉnh: 1952,8 tỷ đồng; vốn ODA: 63,9 tỷ đồng).
- Tổng vốn các dự án kêu gọi đầu tư: 3.740 tỷ đồng (100% vốn doanh nghiệp).

(Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và kêu gọi đầu tư; kế hoạch xây dựng cơ chế chính sách, chương trình đề án lĩnh vực y tế giai đoạn 2021 - 2025 chi tiết tại Phụ lục số I và II).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước về y tế

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính sách về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát triển cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Phân cấp quyền hạn, chức năng rõ ràng theo thẩm quyền cho từng cơ quan, cá nhân trong hệ thống quản lý. Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành về tài chính, nhân lực tại các cơ sở trong ngành.

Thực hiện tốt quản lý nhà nước về công tác y tế trên địa bàn và thống nhất quản lý đối với các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức về tâm lý xã hội, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ y tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ y tế.

Ban hành các chính sách đặc thù nhằm thu hút đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết để phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế và những chính sách ưu đãi trong bố trí quỹ đất, đào tạo, đãi ngộ, sử dụng... đối với nhân lực y tế nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

Xây dựng chương trình đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, đặc biệt các cơ sở y tế đầu ngành trong mọi lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, dự phòng, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất,...) nhằm chia sẻ, trao đổi học tập kinh nghiệm; tăng cường quan hệ hợp tác y tế với các tổ chức quốc tế, các viện, các trường trong khu vực; tranh thủ mọi sự hợp tác, hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật trong các lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao... từ các đối tác trong và ngoài nước.

Xây dựng chương trình, kế hoạch tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của mọi người dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, rèn luyện thể dục - thể thao, giúp người dân có các kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh tật, thay đổi hành vi có lối sống lành mạnh, tự rèn luyện để giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

2. Nhóm giải pháp về đổi mới tài chính và huy động nguồn lực đầu tư

Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; hàng năm dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Quan tâm cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập. Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số.

Tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở y tế công lập. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới.

Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế và nâng cao chất lượng dân số. Đa dạng các hình thức hợp tác công - tư, đảm bảo minh bạch, công khai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Quan tâm vận động các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và không chính thức triển khai các chương trình, dự án y tế, dân số trên địa bàn tỉnh.

3. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ

Chú trọng ứng dụng kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới thích hợp với từng tuyến phục vụ cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và dự phòng; tăng cường chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược tại các cơ sở tuyến tỉnh, tuyến huyện.

Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh, phòng bệnh, xây dựng các bệnh viện thông minh, áp dụng bệnh án điện tử; khám, chữa bệnh từ xa; triển khai hệ thống PACS (hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh) trong chẩn đoán hình ảnh tại tất cả cơ sở khám chữa bệnh.

4. Giải pháp huy động vốn đầu tư và đảm bảo quỹ đất đầu tư dự án

Xây dựng kế hoạch lồng ghép, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển quy hoạch y tế, bao gồm: ngân sách Nhà nước, Trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vốn vay tổ chức tín dụng ngân hàng và vốn đầu tư, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Tích cực thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 23/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để huy động vốn đầu tư cho công tác y tế.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư vào lĩnh vực dược, trang thiết bị y tế, lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực y tế, nhất là thu hút đầu tư các dự án xây dựng bệnh viện hiện đại, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao.

Ưu tiên dành quỹ đất cho xây dựng và phát triển các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Bố trí đủ diện tích đất để các bệnh viện, trung tâm y tế xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh theo các Tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng bệnh viện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Từ Quốc Hiệu

